

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML24B3**
Mã MH/MĐ: **MD05064**
Tên MH/MĐ: **Điện tử căn bản**
Số TC: **5**

Năm học: **24-25**

Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050602	Nguyễn Nhật	Anh	15/10/2008				4	5.5	6.5	4.0		5.0		5.1
2	2455202050603	Phan Trường	Anh	13/10/2009				4	5.0	7.0	4.0		5.5		5.4
3	2455202050604	Phạm Lê	Bảo	08/11/2009				4	5.7	7.0	4.0		5.0		5.1
4	2455202050605	La Nguyên	Chương	17/10/2009				6	9.0	6.5	6.0		9.5		8.5
5	2455202050606	Thái Hoàng	Hải	24/11/2009				9.5	9.0	8.0	9.5		5.0		6.6
6	2455202050607	Phan Thanh	Hiệp	04/10/2009				4	5.2	8.0	4.0		5.0		5.2
7	2455202050608	Dương Thiện	Hóa	27/02/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2455202050609	Huỳnh Hoàng	Huy	24/11/2008				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
9	2455202050610	Nguyễn Hoàng Nhứt	Huy	27/04/2009				6	5.2	9.0	6.0		5.0		5.7
10	2455202050611	Trần Nhĩ	Khang	05/02/2009				5.5	5.0	7.5	5.5		5.5		5.7
11	2455202050612	Phạm Anh	Khoa	14/06/2009				6	5.0	9.0	6.0		5.0		5.6
12	2455202050613	Ngô Thông	Khoán	01/10/2008				4	5.2	9.5	4.0		6.0		6.0
13	2455202050614	Quách Minh	Khôi	04/07/2009				0	5.4	9.0	0.0		0.0	0.0	1.6
14	2455202050615	Hồ Tuấn	Kiệt	30/07/2009				6	5.0	7.0	6.0		5.0		5.4
15	2455202050616	Trương Huỳnh Phú	Lộc	23/10/2009				0	5.7	9.5	0.0		0.0	0.0	1.7
16	2455202050617	Trần Hữu	Luân	07/01/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2455202050618	Nguyễn Lý Hiền	Lương	11/06/2008				9	5.5	6.0	9.0		5.0		5.9
18	2455202050619	Huỳnh Quốc	Minh	01/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
19	2455202050620	Trần Công	Minh	02/07/2009				4	5.0	9.0	4.0		6.5		6.2
20	2455202050621	Trần Quốc	Minh	10/05/2009				3	5.3	9.0	3.0		5.0		5.1
21	2455202050622	Đặng Khoa	Nam	09/06/2009				6	5.1	8.5	6.0		5.0		5.6
22	2455202050623	Lê Văn	Nghĩa	19/03/2009				4	6.0	7.0	4.0		5.5		5.5
23	2455202050624	Phạm Trần	Nghĩa	25/03/2009				6	7.0	8.5	6.0		5.5		6.1
24	2455202050625	Tào Hồng	Quý	02/02/2008				9.5	7.5	8.5	9.5		9.5		9.2
25	2455202050626	Bùi Thanh	Sang	09/05/2005				4.5	5.2	6.8	4.5		5.0		5.1
26	2455202050627	Lê Nguyễn Hoàng	Sĩ	02/06/2009				4	5.2	9.0	4.0		5.5		5.6
27	2455202050628	Lê Văn	Thắng	17/09/2009				4	5.5	7.0	4.0		5.3		5.3
28	2455202050629	Nguyễn Minh	Thắng	07/04/2009				4	5.0	9.0	4.0		5.0		5.3
29	2455202050630	Hàng Niệm	Thiên	14/05/2008				9	7.5	8.5	9.0		6.0		7.0
30	2455202050631	Thiều Quang	Thiện	09/07/2009				6	6.0	9.5	6.0		8.3		7.8
31	2455202050632	Lê Trường	Thịnh	15/10/2009				4	5.5	8.5	4.0		5.5		5.6
32	2455202050633	Thái Minh	Thông	19/04/2009				6	5.0	8.5	6.0		6.5		6.5
33	2455202050634	Nguyễn Minh	Tiến	05/08/2009				4	5.0	8.0	4.0		5.0		5.2
34	2455202050635	Nguyễn Mai Tiến	Toàn	07/06/2009				6	7.5	8.5	6.0		5.0		5.9
35	2455202050636	Đặng Hàng Minh	Triết	12/09/2008				6	5.0	6.0	6.0		5.5		5.6
36	2455202050637	Phạm Minh	Triết	05/06/2009				4	5.6	9.0	4.0		5.3		5.5

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2455202050638	Nguyễn Hoàng	Việt	01/03/2009				4	5.0	8.0	4.0		5.0		5.2
38	2455202050639	Huỳnh Lê Tuấn	Vũ	27/08/2009				6	9.0	6.0	6.0		5.0		5.7

Châu Đốc, ngày 6 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái